

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31 /2018/HC-PT**
Ngày 15 tháng 3 năm 2018
V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính của Chủ tịch Ủy ban nhân
dân cấp huyện.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh
Ông Trương Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 15 tháng 03 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 91/TLPT-HC ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2017/HC-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 91A/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Lê Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Nhật N, thuộc Công ty Luật N – Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Trọng C, sinh năm 1963 là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/01/2018), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Khoa D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/10/2016 và các tài liệu có trong hồ sơ, Người khởi kiện bà Lê Thị L trình bày như sau:

Vào ngày 25/03/2015 Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quyết định số 558/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường hỗ trợ thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cầu B thuộc công trình mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km 848+857 - Km 890+200, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại mục lục kèm theo Quyết định 558/QĐ-UBND đối với bà Lê Thị L, ông Nguyễn Khoa D đã ghi nhận: “... phần hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi với diện tích là 77,8 m² giá trị hỗ trợ là 2.719.110 đồng”. Do không giống với bản phụ lục kèm theo Thông báo số 07/TB-HĐBT ngày 23/01/2015 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện P đã niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đối với bà Lê Thị L “Hỗ trợ 50% giá đất ở ở tại nông thôn Quốc lộ 1A, vị trí 1, xã L với diện tích 77,8 m² giá trị hỗ trợ là 40.261.500 đồng” nên bà L không đồng ý và có khiếu nại.

Ngày 27/5/2015 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định 2593/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện công trình cầu B thuộc dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km 848+857 - Km 890+200, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế với phụ lục kèm theo quyết định đối với ông Nguyễn Khoa D và bà Lê Thị L với tổng số diện tích là 150,5m². Bà Lê Thị L tiếp tục khiếu nại.

Vào ngày 09/7/2015 Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 3219/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Lê Thị L. Bà L tiếp tục khiếu nại. Tuy nhiên ngày 14/7/2015 bà L và ông D đã bàn giao toàn bộ diện tích đất mà Nhà nước thu hồi để thi công công trình.

Ngày 21/10/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 4436/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị L với nội dung không thừa nhận nội dung đơn khiếu nại của bà.

Nay bà Lê Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 4436/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện P, đồng thời xem xét giá trị pháp lý Quyết định số 558/QĐ-UBND và Quyết định số 2593/QĐ-UBND là các Quyết định làm cơ sở giải quyết và ban hành Quyết định số 4436/QĐ-UBND vì các quyết định nói trên đã gây ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của gia đình bà khi bị Nhà nước thu hồi đất. Ngoài ra, bà L cũng trình bày thêm là hiện vợ chồng bà vẫn chưa nhận tiền bồi thường đối với phần diện tích quyền sử dụng đất là 77,8 m² khi Nhà nước thu hồi đất, còn khoản tiền bồi thường của diện tích còn lại thì vợ chồng bà đã nhận đủ.

Người bị kiện - Chủ tịch UBND huyện P trình bày và đề nghị với nội dung:

Dự án mở rộng Quốc lộ 1A là dự án Tín dụng ngành Giao thông vận tải để cải tạo mạng lưới đường Quốc gia lần 2 và Ủy ban nhân dân huyện P được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giao làm chủ đầu tư tiêu dự án giải phóng mặt bằng các cầu thuộc nhóm dự án. Trước khi ban hành Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 25/03/2015 “*về việc phê duyệt giá trị bồi thường đất và tài sản trên đất đối với các tổ chức và hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cầu B thuộc công trình mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km 848+857 — Km 890+200, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế*” thì Ủy ban nhân dân huyện P đã tiến hành thông báo thu hồi đất đồng thời tiến hành đo đạc, kiểm đếm về diện tích đất và tài sản trên đất, đồng thời đã ban hành Thông báo số 07/TB-HĐBT ngày 23/01/2015 về việc niêm yết công khai giá trị đề nghị bồi thường hỗ trợ đối với hộ bà Lê Thị L, trong đó xác định diện tích đất 77,8 m² là đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở tại nông thôn và hỗ trợ 50% giá đất ở tại nông thôn Quốc lộ 1A, vị trí xã L với số tiền là 40.261.500 đồng. Thông báo trên là giá trị đề nghị bồi thường, tuy nhiên trước khi ban hành Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 25/3/2015, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện P đã phát hiện về sự nhầm lẫn là diện tích đất 77,8 m² thu hồi của hộ bà L không phải là đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở tại nông thôn mà là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm. Vì vậy, tại phụ lục kèm theo Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 đã thể hiện về giá trị thẩm định bồi thường hỗ trợ đối với 77,8 m² của bà Lê Thị L là: “... *chỉ hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 1,5 lần giá trị đất nông nghiệp bị thu hồi với số tiền là 2.719.110 đồng*”.

Ngày 27/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định 2593/QĐ-UBND về việc thu hồi đất trong đó có hộ bà Lê Thị L.

Ngày 09/7/2015, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 3219/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Lê Thị L. Ngày 14/7/2015 bà L và ông D đã tự nguyện bàn giao toàn bộ diện tích đất mà Nhà nước thu hồi để thi công công trình. Tuy nhiên, bà L vẫn khiếu nại đối với các Quyết định trên nên vào ngày 21/10/2015 Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 4436/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị L với nội dung không thừa nhận nội dung đơn khiếu nại của bà.

Hiện nay, công trình cầu B thuộc dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km 848+857 - Km 890+200, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế đã thực hiện xong và chỉ còn hộ bà Lê Thị L chưa nhận tiền bồi thường đối với diện tích đất thu hồi là 77,8 m² còn các phần khác thì bà đã nhận đầy đủ. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người bị kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khoa D trình bày:
Ông đồng ý với phần trình bày cũng như yêu cầu của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 11, Điều 69, Điều 71, điểm c khoản 1 Điều 100; điểm a khoản 3 Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 3; khoản 1,2 Điều 21; khoản 3 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai năm 2013; Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 116; điểm b khoản 1 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 để tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện hủy một phần Quyết định số 558/QĐ-UBND và Quyết định số 2593/QĐ-UBND có liên quan đến bà Lê Thị L và hủy toàn bộ Quyết định số 4436/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 16/2017/HC-ST ngày 11/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 4436/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Thừa

Thiên Huế “về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị L, thường trú tại thôn C, xã L, huyện P (lần đầu)”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/10/2017, bà Lê Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Lê Thị L giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P do ông Hồ Trọng Cầu đại diện theo ủy quyền giữ nguyên Quyết định số 4436/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị L, thường trú tại thôn C, xã L, huyện P (lần đầu). Bà Lê Thị L cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan, thiếu thuyết phục, không xem xét toàn diện các chứng cứ nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại sửa bản án sơ thẩm hủy Quyết định số 4436/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện P để đảm bảo quyền lợi của bà Lê Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc sử dụng đất của bà Lê Thị L và ông Nguyễn Khoa D là do ông Lê C1 cha của bà L canh hoang và xây dựng trước năm 1975, đến năm 1995 cho vợ chồng bà L một phần thửa đất trong cùng thửa đất có nhà ở của ông Lê C1. Năm 1998, vợ chồng bà L xây dựng nhà xây sát trên thửa đất đã cho, đến năm 2012 nhà xây sát bị xe tông sập và từ đó đến nay vợ chồng bà L không sử dụng. Hiện nay gia đình bà L đã có nhà ở ổn định tại vị trí khác thuộc thôn C, xã L và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Công văn số 3489/UBND-ĐC ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giải quyết vướng mắc giải phóng mặt bằng tại dự án mở rộng Quốc lộ 1A có nêu rõ: Đồng ý chủ trương giải quyết vướng mắc... theo Công văn số 567/HĐTV-TCV ngày 23/6/2014 của Hội đồng tư vấn... Công văn số 567/HĐTV-TCV nêu rõ: Quá trình sử dụng đất đã tách thửa tặng cho, chuyển nhượng phần đất vườn cho các hộ khác sử dụng. Sau khi tách thửa phần đất còn lại có nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận; phần được tách ra, hiện trạng không có nhà ở nhưng xây dựng

sau ngày 01/7/2004 và chưa được cấp Giấy chứng nhận thì áp dụng bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư. Tại Thông báo số 07/TB-HĐBT ngày 23/01/2015 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án trọng điểm thuộc UBND huyện P kèm theo phụ lục thì diện tích đất 77,8m² của gia đình bà Lê Thị L được xác định là đất nông nghiệp cùng thửa đất có nhà ở tại nông thôn Quốc lộ 1A, vị trí 1 xã L với số tiền 1.812.740 đồng. Hỗ trợ giá đất ở tại nông thôn Quốc lộ 1A, vị trí 1, xã L 77,8m² với số tiền 40.261.500đ. Việc xác định diện tích đất trên của gia đình bà L là đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở là không đúng nên ngày 25/3/2015, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 558/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất đối với các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án cầu B thuộc công trình mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Km 848 + 875 – Km 890 + 200 qua xã L, huyện P, kèm theo phụ lục thì diện tích đất 77,8m² được xác định là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí 1 với số tiền 1.812.740đ. Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 1,5 lần giá trị đất nông nghiệp bị thu hồi với số tiền 2.719.110đ. Ngày 27/5/2015 UBND huyện P ban hành Quyết định số 2593/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện công trình cầu B Km 873 + 427 thuộc dự án mở rộng Quốc lộ 1A tại xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bà L khiếu nại. Ngày 09/7/2015 UBND huyện P ban hành Quyết định số 3219/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Lê Thị L, gia đình bà L chấp hành. Bà Lê Thị L tiếp tục khiếu nại. Ngày 21/10/2015, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 4436/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị L, thường trú thôn C, xã L, huyện P (lần đầu) không thừa nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Lê Thị L.

[2] Từ những chứng cứ đã được phân tích trên cho thấy: Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị L của Chủ tịch UBND huyện P là có cơ sở. Vì vậy, bản án sơ thẩm xử bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 4436/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Lê Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1.- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Lê Thị L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của bà Lê Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 4436/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị L, thường trú tại thôn C, xã L, huyện P (lần đầu).

2.- Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được trừ 500.000 đồng bà Lê Thị L đã nộp tại biên lai thu tiền số 005265 ngày 11/11/2016 và số 005317 ngày 02/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Tòa án nhân dân tỉnh TT. Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm